

Bản án số: 128/2021/HNGĐ-ST

Ngày 18 – 6 - 2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐOI, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Minh Thịnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Thị Hà

Bà Nguyễn Kim Kết

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Đoi.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Đoi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 242/2021/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 298/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp TT, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp TT, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Anh Nguyễn Văn S trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh S với chị Nguyễn Thanh T tổ chức đám cưới năm 1991, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm, mặc dù thân tộc hai bên có hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Nay anh S yêu cầu được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Nguyễn Thu N, sinh ngày 10/11/1992 và Nguyễn Trường G, sinh ngày 15/02/1996, hiện 02 con đã trưởng thành. Khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Vợ chồng không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

*Chị Nguyễn Thanh T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian cưới nhau, không có đăng ký kết hôn như anh S trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do khoảng 03 năm gần đây anh S có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác rồi về nhà gây sự, đánh đập chị. Thân tộc có hòa giải nhưng không thành. Nay chị T không đồng ý ly hôn, chị T yêu cầu đoàn tụ.

- Về con chung: Có 02 người con như anh S trình bày là đúng, hiện 02 người con đã trưởng thành, khi ly hôn không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Vợ chồng không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

Tại phiên tòa: Anh S, giữ nguyên yêu cầu. Chị T đồng ý ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn S khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân với chị Nguyễn Thanh T là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 1991, anh S và chị T chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị T không được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét về con chung, tài sản chung và các vấn đề khác, Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh S, chị T không yêu cầu tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Xét về án phí dân sự: Anh S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 5; Điều 91; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn S với chị Nguyễn Thanh T là vợ chồng.

2. Về án phí dân sự: Anh Nguyễn Văn S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0012079 ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; anh Nguyễn Văn S đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Minh Thịnh**